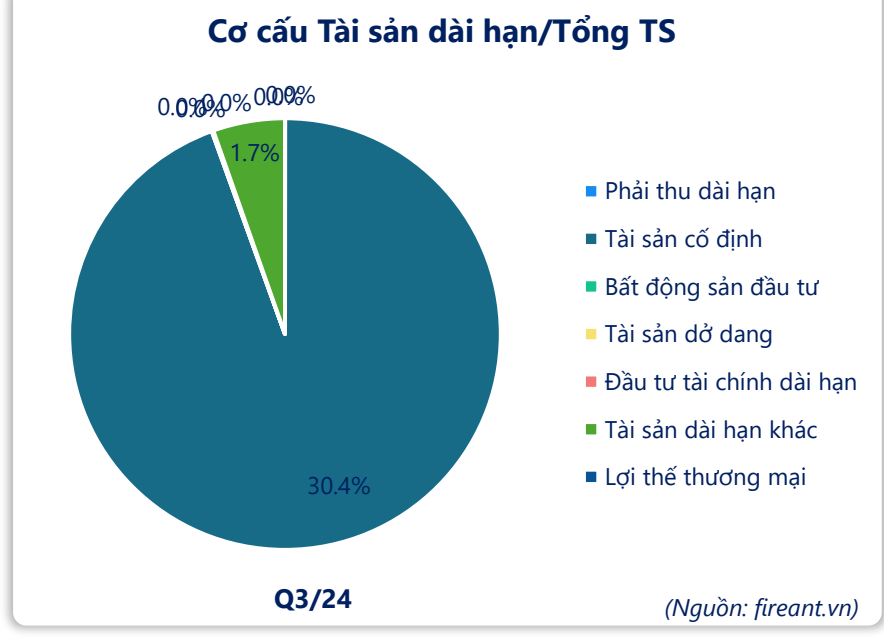
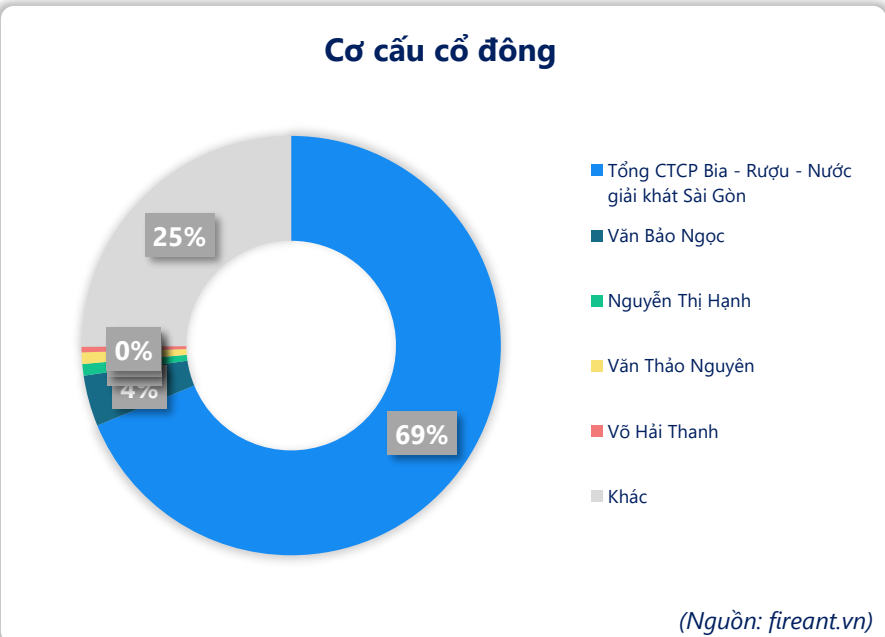
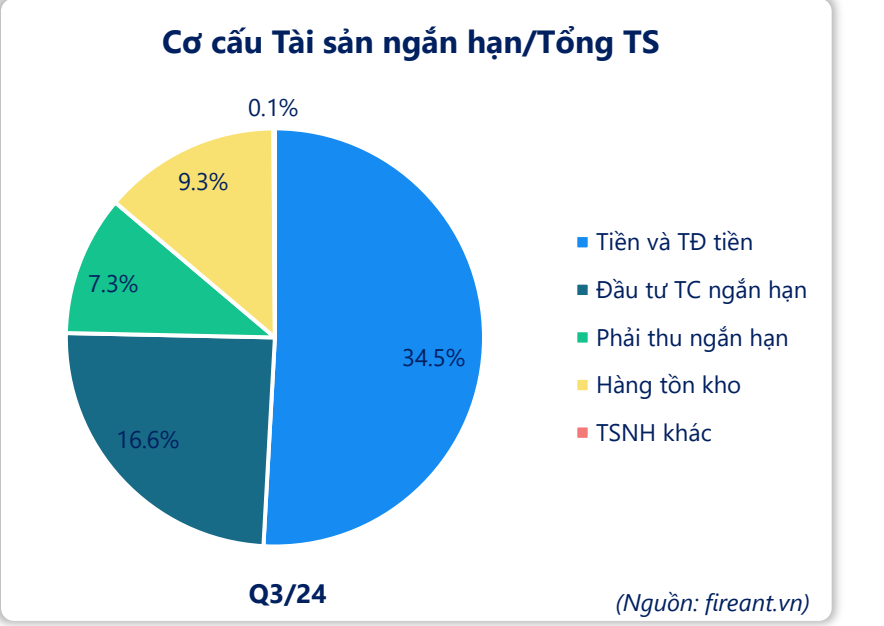
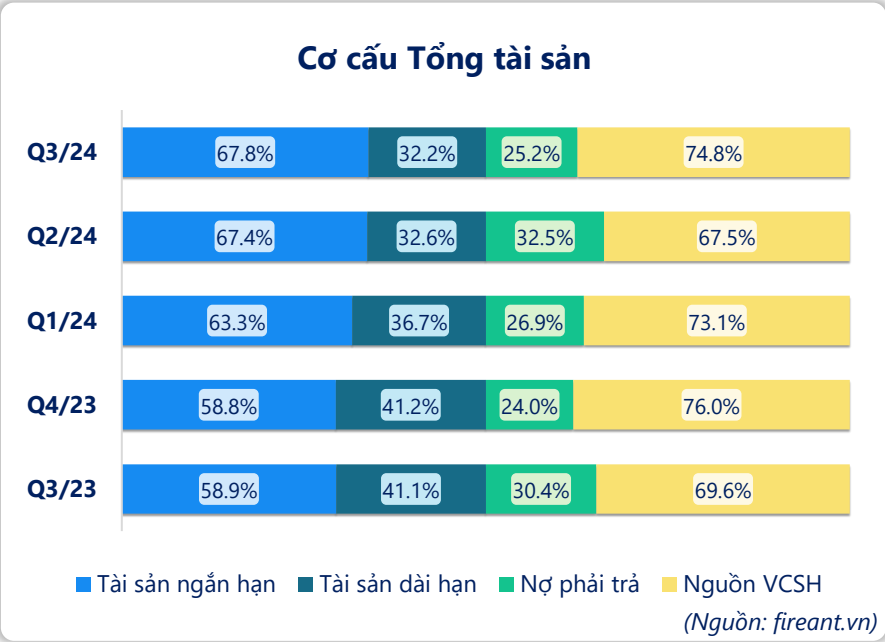
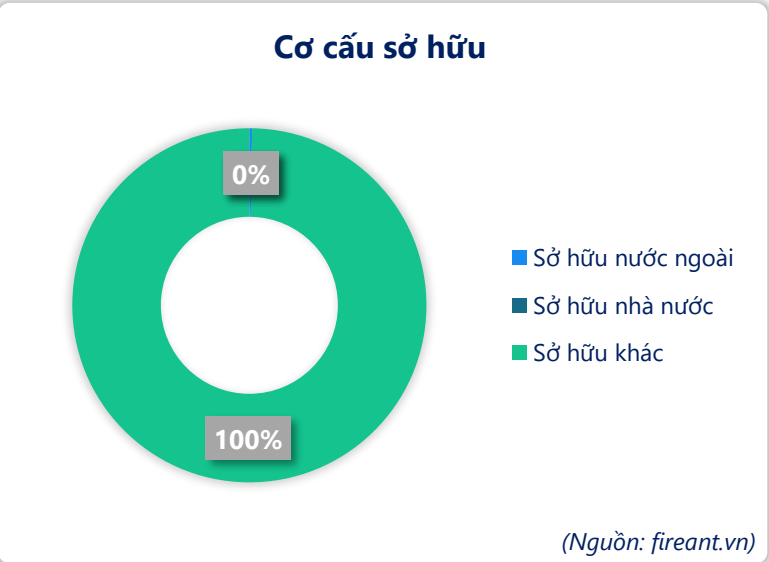
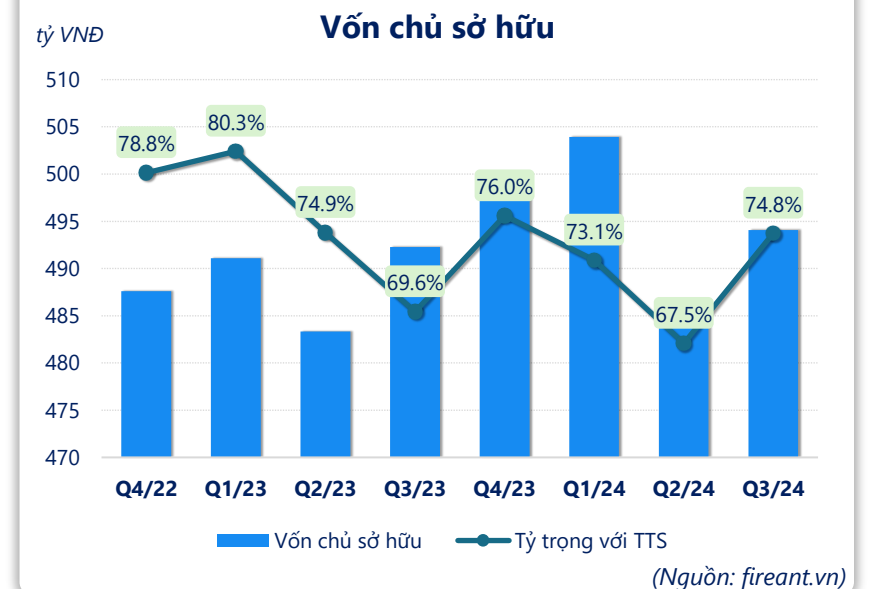
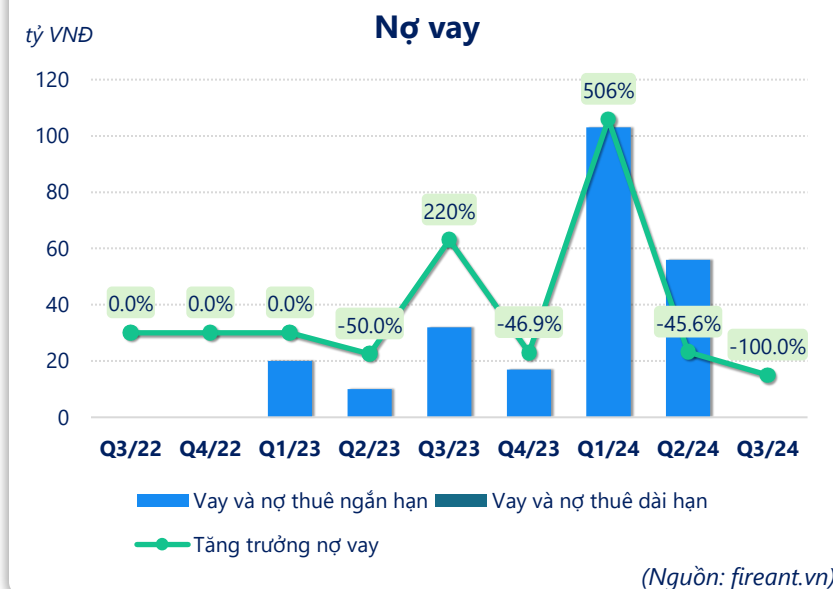
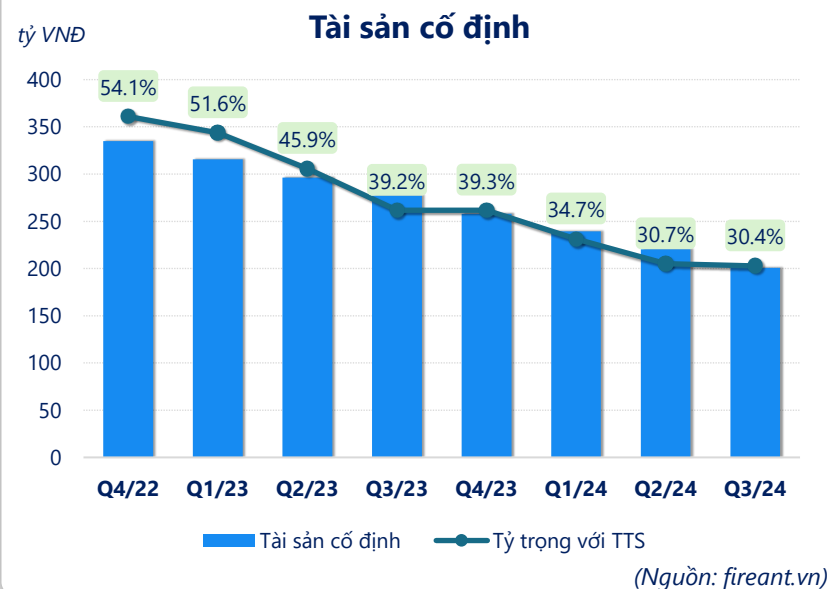
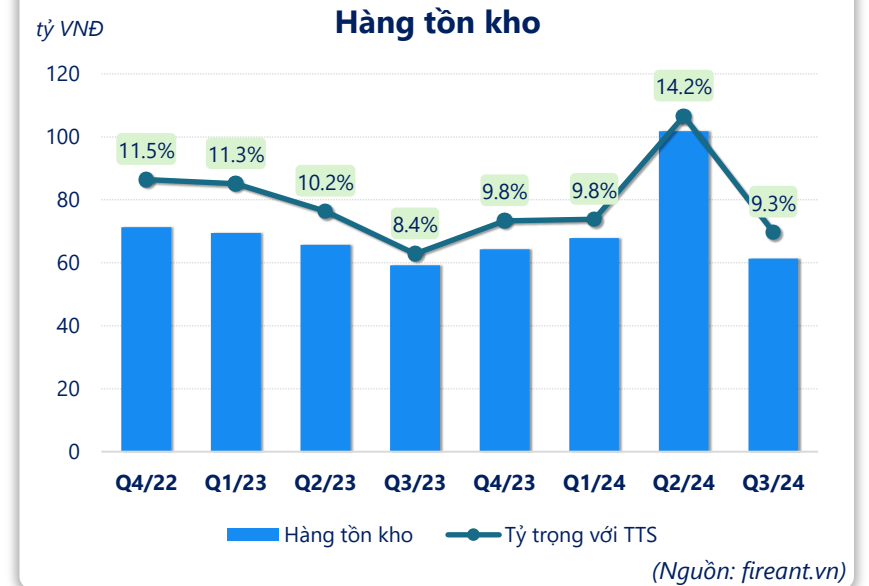
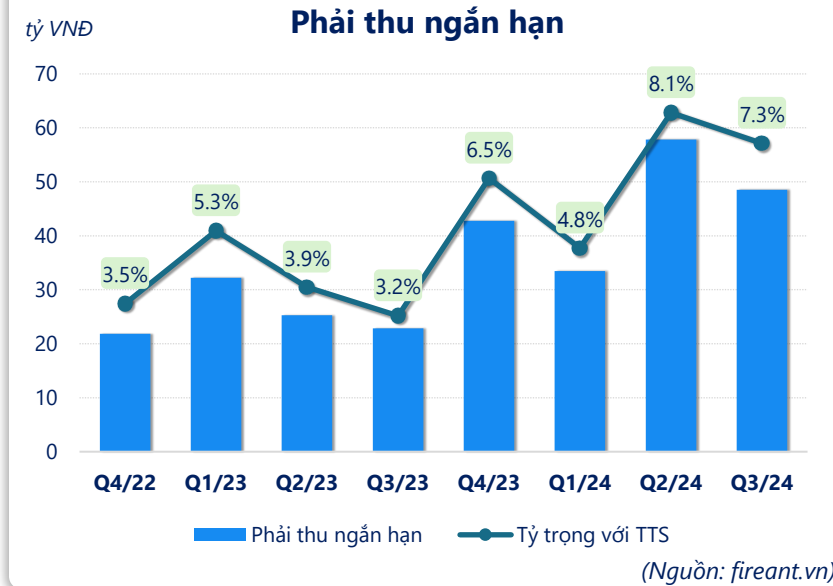
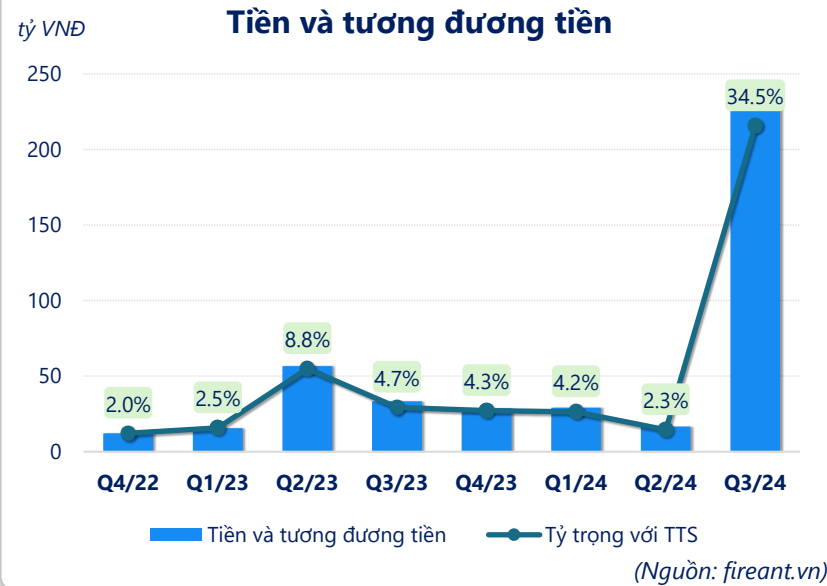
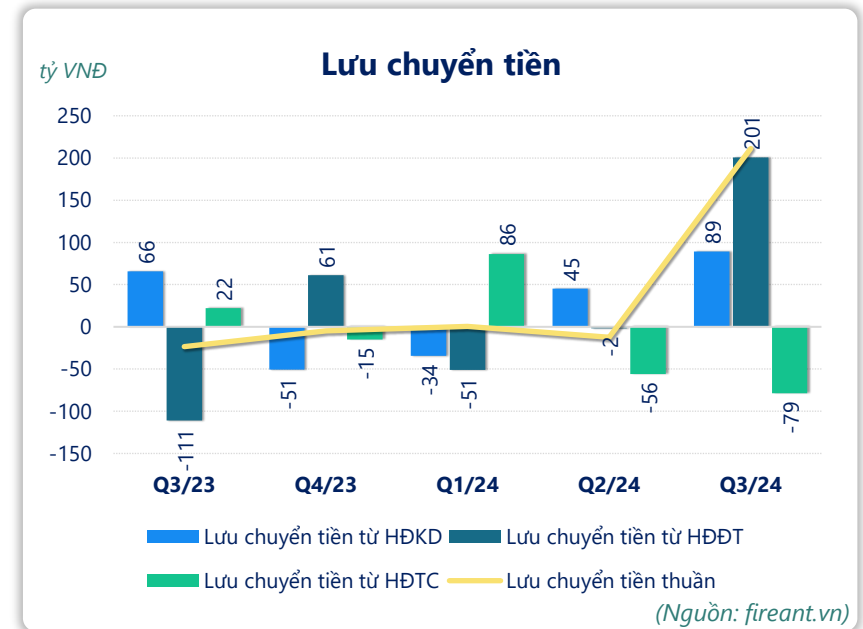
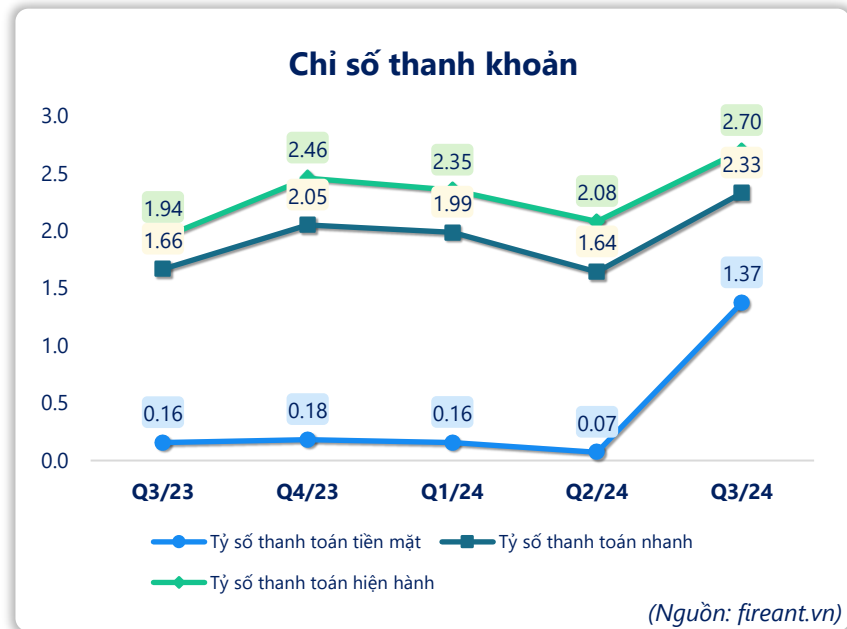
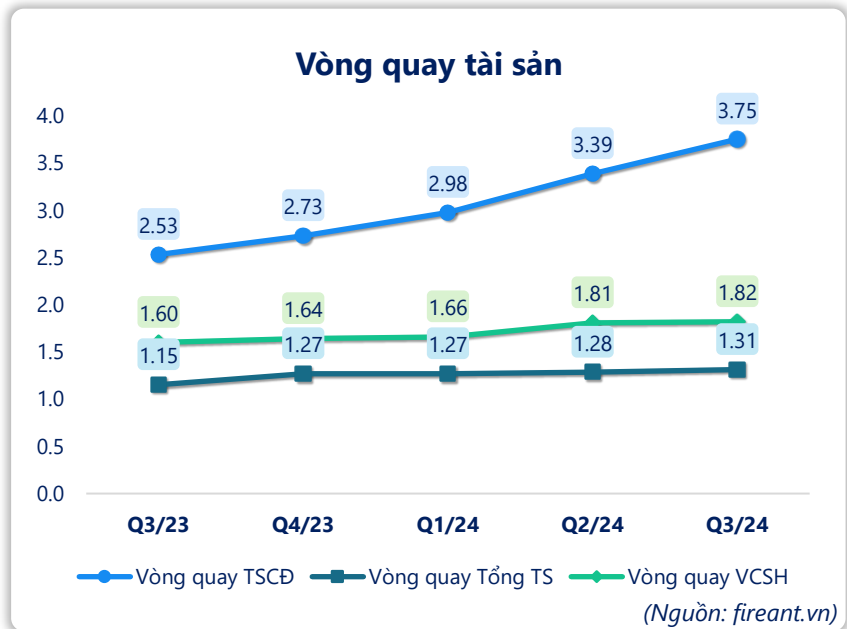
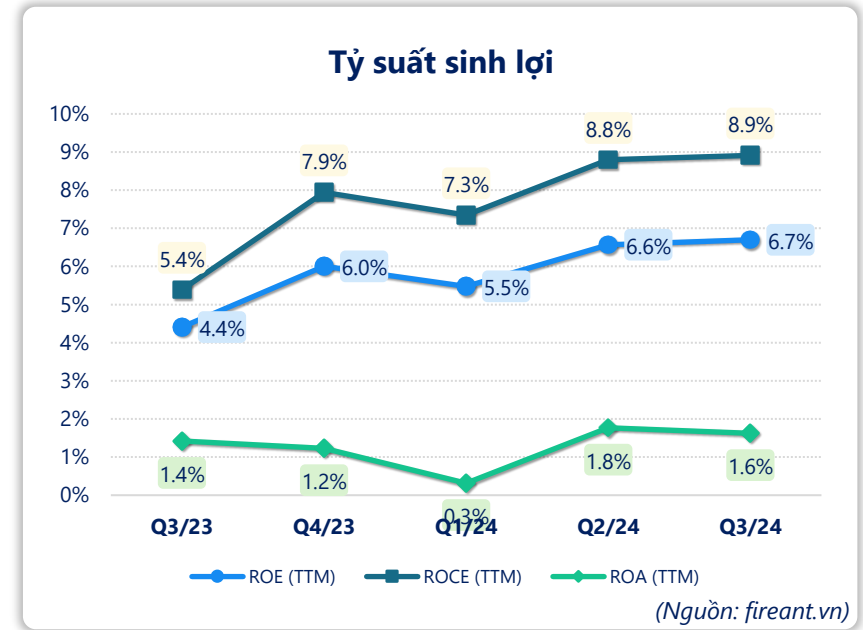
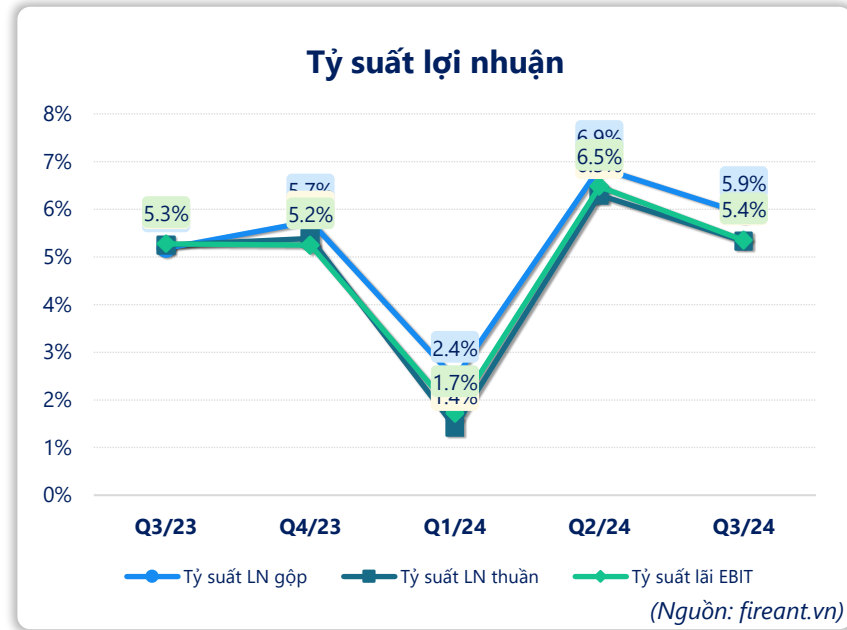
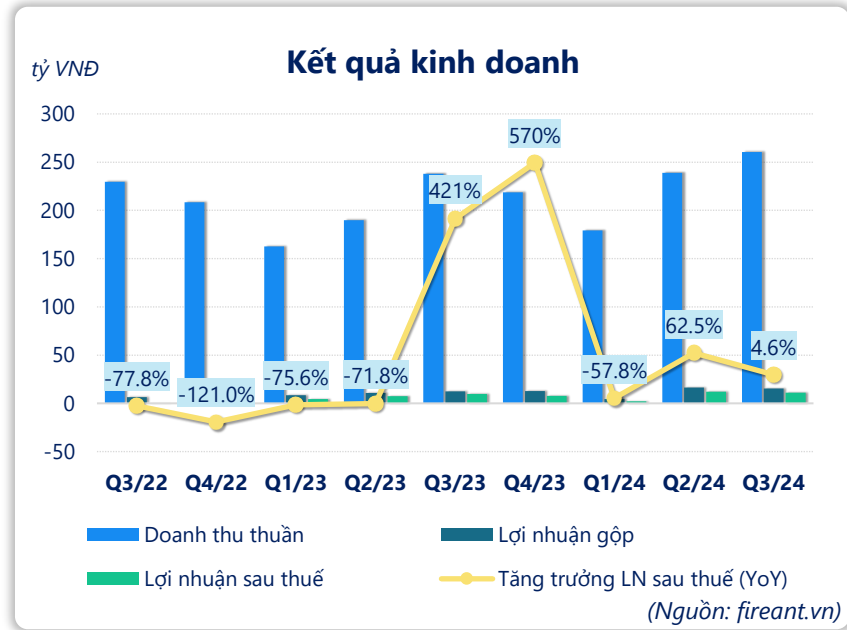


Thông tin giao dịch		30/09/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		9,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,842
SL cổ phiếu LH		45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,495
% sở hữu nước ngoài		0.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		432
P/E		13.1
EPS		734

	YTD	1T	3T	6T
BSL	6.3%	1.1%	-5.9%	4.2%
VNINDEX	13.8%	0.3%	0.9%	0.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	660	657	0.5%
Tài sản ngắn hạn	448	386	16.0%
Tiền và tương đương tiền	228	28.6	697%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	110	250	-56.2%
Phải thu ngắn hạn	48.5	42.8	13.4%
Hàng tồn kho	61.4	64.3	-4.5%
Tài sản ngắn hạn khác	0.54	0.76	-29.6%
Tài sản dài hạn	213	271	-21.5%
Phải thu dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Tài sản cố định	201	258	-22.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.25	4.04	-93.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	11.5	8.79	30.4%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	166	154	7.8%
Nợ ngắn hạn	166	153	8.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	17.0	-100%
Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	16.2	-0.4%
Nợ dài hạn	0.15	0.65	-77.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	494	503	-1.7%
Vốn chủ sở hữu	494	503	-1.7%
Vốn điều lệ	450	450	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Doanh thu thuần	238	219	179	239	260
Giá vốn hàng bán	225	206	175	223	245
Lợi nhuận gộp	12.3	12.6	4.38	16.4	15.4
Doanh thu HĐTC	4.53	3.44	3.14	2.63	2.53
Chi phí TC	0.15	0.28	0.52	0.42	0.06
Chi phí lãi vay	0.15	0.28	0.52	0.42	0.06
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0.24	0.32	0.35
Chi phí QLDN	4.23	3.95	4.20	3.26	3.61
LN thuần từ HĐKD	12.5	11.8	2.57	15.1	13.9
Lợi nhuận khác	-0.09	-0.59	0.00	0	0.00
LN trước thuế	12.4	11.2	2.57	15.1	13.9
Lợi nhuận sau thuế	9.84	7.84	2.05	12.0	11.1
LNST của CĐ cty mẹ	9.84	7.84	2.05	12.0	11.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.6	-50.7	-34.3	45.1	89.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	61.1	-51.2	-1.82	201
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	21.9	-15.0	86.0	-55.9	-78.9
Tiền đầu kỳ	56.7	33.3	28.6	29.2	16.6
Lưu chuyển tiền thuần	-23.5	-4.69	0.58	-12.5	211
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	33.3	28.6	29.2	16.6	228

(Nguồn: fireant.vn)